TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan.**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sển** – Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 26/3/2021 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số: 02/2021/TB-TTPT, ngày 15/4/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố Minh P, thị trấn Minh L, huyện Châu Th, Kiên Giang.

(Anh T có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Chị **Phan Thị Bích Tr**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố Minh P, thị trấn Minh L, huyện Châu Th, Kiên Giang.

(Chị Tr có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2020, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Vào năm 2007, anh và chị Phan Thị Bích Tr tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Minh L, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được UBND thị trấn Minh L, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187/2007 quyển 01 ngày 28/11/2007.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 26/7/2011, (hiện nay chị Tr đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu); vợ chồng anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan niệm sống dù rằng hai bên đã dàn xếp nhưng không thành, từ đó dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung, sống không còn hạnh phúc. Kể từ ngày 22/12/2020 cho đến nay thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nhiều vì lý do sau khi cãi vả nhau và có xô xát nhau thì anh bỏ đi, chị Tr ở nhà lấy giấy tờ của anh (trong tập giấy tờ có số tiền 10.000.000đ), anh đã đòi nhiều lần nhưng chị Tr không trả nên lại tiếp tục xô xát nhau và chị Tr đập xe của anh, do đó anh đã yêu cầu Công an thị trấn Minh L giải quyết và Công an thị trấn Minh L đã giải quyết xong vụ việc, yêu cầu chị Trang trả giấy tờ và sửa chữa xe cho anh.

Về tài sản chung: Anh T xác định là trong quá trình chung sống, vào khoảng năm 2013-2014 anh và chị Tr có cùng nhau góp tổng số tiền khoảng hơn 200.000.000 đồng để xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất do mẹ anh đứng tên (bà Ngô Kim H, sinh năm 1957) tọa lạc tại số 10 khu phố Minh P, thị trấn Minh L, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Tr không còn nên anh yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Bích Tr.

- *Về con chung:* Anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 26/7/2011, anh T không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp, Tòa án giải quyết cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu thì anh cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ/tháng/cháu, tổng cộng 2.000.000đ/tháng/02 cháu, cấp dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Anh T xác định rằng anh và chị Tr sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phan Thị Bích Tr trình bày: Chị Tr xác định anh T trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng, còn nợ chung thì vợ chồng có nợ bà Nguyễn Hồng Ng số tiền 100.000.000đ. Nay anh T xin ly hôn thì chị Tr có ý kiến như sau: Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc và đến tháng 9/2020 thì chị và anh T có mâu thuẫn nhau, nguyên nhân là do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị xác định rằng kể từ ngày 22/12/2020 cho đến nay thì vợ chồng chị lại phát sinh mâu thuẫn và anh T đã có đơn yêu cầu Công an thị trấn Minh L giải quyết. Nguyên nhân là do khi chị đang bán đồ ở chợ Cù Là thì anh T đập phá đồ của chị đang bán tại chợ, sau đó khi chị đang lau dọn phòng mạch tại nhà cho anh T thì anh T lại đánh chị và hai bên xảy ra xô xát với nhau và chị bị chảy máu trên mặt. Sau đó anh T bỏ đến quán cà phê nên chị đến quán cà phê gặp anh T, anh T đã xô đẩy và muốn đánh chị tại quán, hai bên cãi nhau và chị có đập đèn xe anh Tú, còn giấy tờ và tiền của anh T để trên giường thì chị không có lấy mà kêu con chị để vào hộc tủ trong phòng mạch cho anh Tú. Sau đó Công an thị trấn Minh L đã giải quyết xong vụ việc này và yêu cầu chị sửa xe cho anh T, anh T phải trả chìa khóa xe cho chị, hai bên đã thực hiện xong.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vào khoảng năm 2013-2014 chị có xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất của mẹ anh T (bà Ngô Kim Hồng, sinh năm 1957) tọa lạc tại số 10 khu phố Minh Phú, thị trấn Minh Lương, huyện Châu

Thành, tỉnh Kiên Giang với số tiền tổng cộng khoảng hơn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), anh T không có góp tiền phụ chị xây cất nhà vì thời điểm đó anh T là y sĩ và đang đi học bác sĩ tại Cần Thơ nên không có thu nhập. Tuy nhiên, việc mua vật tư để xây cất nhà ở thì chị không còn giữ các hóa đơn chứng từ.

Nay anh T xin ly hôn thì chị Tr có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh Tú vì chị không có lỗi và xin được đoàn tụ, chị còn thương chồng, thương con, không muốn con sống thiếu tình thương của cha.

- *Về con chung:* Tùy theo nguyện vọng của con và nếu 02 con theo chị thì chị đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con là cháu Nguyễn Phú Hào, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Nguyễn Kim Tuyền, sinh ngày 26/7/2011, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng, tổng cộng là 5.000.000đ/tháng/02 cháu cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Chị xác định rằng chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Có nợ bà Nguyễn Hồng N số tiền 100.000.000đ hiện nay chưa có trả.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Phan Thị Bích Tr.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú Hào, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Nguyễn Kim Tuyền, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Trang nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tú cấp dưỡng nuôi cháu Hào, cháu Tuyền mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Hào, cháu Tuyền đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh T và chị Tr xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh T xác định không có còn chị Tr xác định có nợ bà Nguyễn Hồng Ngasố tiền 100.000.000đ nhưng do bà Nga không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với chị Phan Thị Bích Tr, do đó đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn chị Phan Thị Bích Tr có địa chỉ cư trú tại khu phố Minh Phú, thị trấn Minh Lư, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Bích Tr, Hội đồng xét xử xét thấy rằng anh T và chị Tr xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2007 và được UBND thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 187/2007 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Tú và chị Tr đều xác nhận anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, sau đó thường xuyên xảy ra mâu

thuẫn, cải vả với nhau. Từ ngày 22/12/2020 cho đến nay thì vợ chồng anh chị cự cải nhau nhiều lần và có xô xát đánh nhau, anh Tú đã từng yêu cầu Công an thị trấn Minh L giải quyết sự việc mâu thuẫn giữa anh và chị Tr. Sự việc đã được Công an thị trấn Minh Lương đã giải quyết xong và chị Trang đã sửa xe cho anh T, anh T phải trả chìa khóa xe cho chị, hai bên đã thực hiện xong. Nhưng trên thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị Tr vẫn còn, do đó mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên nhiều lần để anh T và chị Trang hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, trên thực tế anh Tú đã ly thân với chị Trang, anh T đã không sống chung nhà với chị Tr từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T không còn tự nguyện sống chung với chị Tr nữa, đồng thời mâu thuẫn giữa anh T và chị Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu ly hôn với chị Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị Tr đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phú Hào, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Nguyễn Kim Tuyền, sinh ngày 26/7/2011. Thấy rằng chị Tr có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hào và cháu Tuyền, đồng thời hai cháu đều có nguyện vọng được chị Trang chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hào và cháu Tuyền cho chị Trang chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu của chị Tr về việc cấp dưỡng nuôi con: chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng là vượt mức so với quy định của pháp luật, anh T tự nguyện thống nhất cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng thì đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Tú có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị Tr xác định rằng anh chị sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T xác định rằng không có, chị Tr xác định có nợ bà Nguyễn Hồng Nga số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Hồng Nga và bà Nga xác định chị Tr có nợ bà Ng là thật nhưng bà Nga không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu bà Ng yêu cầu thì sau này bà Ng có quyền khởi kiện vợ chồng anh T, chị Tr thành 1 vụ kiện khác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc anh T phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng anh T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006694 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Tú còn phải nộp thêm 300.000 đồng. Chị Tr không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2, các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung " với chị Phan Thị Bích Tr.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Phan Thị Bích Tr.

2. Về con chung: Giao con chung gồm cháu Nguyễn Phú Hào, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Nguyễn Kim Tuyền, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ ngày xét xử (ngày 22/4/2021) cho đến khi cháu Hào, cháu Tu đủ 18 tuổi.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T xác định có nợ bà Nguyễn Hồng Nga số tiền 100.000.000đ nhưng do bà Nga không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh T phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng anh T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006694 ngày

22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Tú còn phải nộp thêm 300.000 đồng. Chị Tr không phải chịu án phí.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND TT.Minh Lương, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.